

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/DS-ST

Ngày: 20/7/2021

*V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại
về danh dự, nhân phẩm và thực hiện
nghĩa vụ dân sự”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Trị.
2. Bà Nguyễn Thị Diễm Chi.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa:* Bà mai Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm và thực hiện nghĩa vụ dân sự”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Thu T1, sinh năm 1964 - ông Bùi Văn T2, sinh năm 1963. Đại diện theo ủy quyền của bà T1: Ông Bùi Văn T2 (Có mặt).

Trú tại: X Đồng Đ, thị trấn P, huyện T, Bình Định.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Vinh H, sinh năm 1952; bà Phan Thị Thu T3, sinh năm 1962 - (Có mặt).

Trú tại: Thôn G1, xã G, huyện T, Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Phan Thị Thu T4, sinh năm 1966 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu).

Trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện C, Bình Định.

+ Bà Phan Thị Thu N, sinh năm 1970 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu).

Trú tại: Thôn K, xã B, huyện T, Bình Định.

+ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1935 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu).

+ Ông Phan Xuân P, sinh năm 1958 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu).

+ Ông Phan Xuân T5, sinh năm 1967 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu).

Đồng trú: Thôn A, xã X, huyện T, Bình Định.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1945 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu).

Trú tại: Thôn K, xã B, huyện T, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm và thực hiện nghĩa vụ dân sự) bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là vợ chồng bà Phan Thị Thu T1 - ông Bùi Văn T2 trình bày:

Bà T1 và bà Phan Thị Thu T3 (vợ ông Nguyễn Vinh H) là chị em ruột. Vào khoảng năm 2012, bà và các anh chị em ruột gồm: ông Phan Xuân T5, Phan Xuân P, Phan Thị Thu T4, Phan Thị Thu T3 và Phan Thị Thu N cùng mẹ bà là Nguyễn Thị B đã họp bàn về việc phân chia di sản thừa kế do cha bà là Phan Xuân N1 để lại là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 150, tờ bản đồ số 34, diện tích 1.123,6m² (200m² đất ở, 923,6m² đất trồng cây hàng năm khác) tại thôn A, xã X, huyện T. Vì đất ở ít (chỉ 200m²) không đủ điều kiện để khi phân chia tách thửa nên tất cả các anh chị em và mẹ bà (bà B) đã thống nhất làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với 250m² đất vườn trong thửa đất 150 sang đất ở. Giao cho vợ chồng ông bà đi làm thủ tục. Khi đó thì chưa làm thủ tục sang tên nên trên các giấy tờ thủ tục đều ghi tên bà Nguyễn Thị B nhưng người thực hiện thủ tục và nộp các nghĩa vụ tài chính là vợ chồng ông bà. Tổng số tiền đã nộp là 97.288.000đ (bao gồm phí chuyển mục đích sử dụng: 96.637.500đ và phí sang tên trước bạ: 650.500đ).

UBND huyện Tây Sơn đã xét duyệt và đồng ý ban hành Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 26/3/2012 cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất vườn sang đất ở đối với 250m² đất. Sau đó, mẹ và các anh chị em bà T1 đã làm thủ tục phân chia, tặng cho xong. Anh P và em T5 là con trai trong nhà được chia mỗi người 100m² đất ở từ 200m² đất ở ban đầu có sẵn của thửa đất nên không phải trả chi phí. Chị T4 thì đất ít nên từ chối nhận đất. Thửa đất còn lại chia làm 05 thửa: bà T1, bà T2, bà N mỗi người một thửa còn 02 thửa nhượng lại cho ông Nguyễn Đức C (là cha chồng của bà N, theo thỏa thuận của ông N1 khi còn sống). Mỗi thửa đất phân chia phải nộp số tiền là 19.457.600đ (phí chuyển mục đích sử dụng đất và phí sang tên trước bạ).

Vợ chồng bà T3, ông H có mặt khi thỏa thuận chuyển đổi mục đích sử dụng, ký trong biên bản thỏa thuận phân chia, nhận đất, sổ đỏ. Ban đầu đồng ý giao lại tiền cho vợ chồng ông bà, đã đưa trước 15.000.000đ, còn lại 4.4570.600đ thì quay ngược lại không đưa tiếp mà còn có lời lẽ xúc phạm, nói xấu vợ chồng ông bà (giả mạo chứng từ, hóa đơn thuế, ăn chặn tiền của ông H, bà T3, ...), làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của vợ chồng ông bà.

Tại phiên tòa: ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị Thu T3 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ dân sự, trả cho ông bà số tiền còn thiếu là 4.457.600đ. Còn đối với yêu cầu về gỡ bài đăng trên mạng xã hội Facebook, xin lỗi công khai vợ chồng ông bà về việc đã nói xấu ông bà thì vợ chồng ông bà rút yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Vinh H, bà Phan Thị Thu T3 trình bày: Bà T3 xác định cha bà là ông Phan Xuân N1 chết không để lại di chúc. Đối với việc phân chia di sản và tặng cho quyền sử dụng đất của ông Phan Xuân N1, bà Nguyễn Thị B (cha mẹ bà T3) thì ban đầu vợ chồng ông bà chỉ nghe nói là chưa làm thủ tục xong, chưa chia được cho anh P và em T5. Sau một thời gian ông bà hỏi lại thì thấy đã làm ra 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ngoài 02 phần của anh P và em T5) mang tên: bà T1, bà N, bà T3 và 02 Giấy của con ông Nguyễn Đức C. Mà theo giấy tờ ông T2 đưa thì không hề có biên lai thu tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất vườn sang đất ở đối với 50m² đất (theo vợ chồng ông Thu, bà Thanh kê khai là 15.000.000đ). Bà T3 thừa nhận có biết việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất 250m² đất như ông T2, bà T1 đã nói, cũng thừa nhận phí chuyển đổi mục đích sử dụng đất là hơn 96 triệu đồng. Tuy nhiên, khi ông H hỏi có biên lai thu 15 triệu không thì ông T2 trả lời: “Biên lai thu chung”. Theo vợ chồng ông bà thì đất làm tách riêng từng thửa sao lại có biên lai chung. Bên vợ chồng T1 T2 trả lời không dứt khoát nên hai bên bắt đầu mâu thuẫn. Việc tặng cho và thừa kế quyền sử dụng đất tại thôn A, xã X, T thì bà Phan Thị Thu T3 là người được nhận và đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2013, bên ông T2 bà T1 khi đó chỉ nói chi phí hết 15.000.000đ, vợ chồng ông bà đã đưa đủ. Mãi gần 8 năm sau mới lại nghe ông T2 đòi tiếp 4.500.000đ nữa.

Còn đối với tài khoản trên mạng xã hội Facebook mang tên H Nguyễn Vinh là của ông H. Vào khoảng cuối năm 2018 ông có đăng một bài thơ “Cái kim trong bọc” nhưng là ông tức cảnh sinh tình đối với thế sự làm (từ trước rất lâu) chứ không nhằm vào sự việc này của ông T2 bà T1. Tài khoản này từ đó ông H không còn sử dụng. Vợ chồng ông bà không hề nói xấu gì xúc phạm đến vợ chồng ông T2 bà T1 cả, nên không đồng ý gỡ bài đăng, không xin lỗi công khai.

Tại phiên Tòa: Bà Phan Thị Thu T3 xác nhận biết việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nói trên và đồng ý trả số tiền 4.457.600đ còn thiếu cho vợ chồng ông Bùi Văn T2, bà Phan Thị Thu T1.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày: Chồng bà ông Phan Xuân N1 (chết năm 2009) và bà có 07 người con chung là: Phan Xuân P, Phan Thị Thu H, Phan Thị Thu T3, Phan Thị Thu T1, Phan Thị Thu T4, Phan Thị Thu N và Phan Xuân T5. Vợ chồng ông bà có 01 đám đất số 150, tờ bản đồ số 34, diện tích 1.123,6m² (200m² đất ở, 923,6m² đất trồng cây hàng năm khác) tại thôn A, xã X, huyện T. Sau khi ông N chết thì bà và các con đã lập văn bản phân chia di sản và tặng cho quyền sử dụng đất (phần đất của bà cũng đồng ý phân ra tặng cho các con). Nhưng vì đất thổ cư chỉ có 200m² không đủ thổ cư chia đảm bảo điều kiện tách thửa nên bà và các con đã hợp thống nhất làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất vườn sang đất thổ cư đối với 250m² đất, giao cho vợ chồng Phan Thị Thu T1, Bùi Văn T2 thực hiện các thủ tục. Vì khi xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất thì vẫn chưa phân chia, sang tên nên trên tất cả giấy tờ thủ tục và biên lai nộp tiền đều ghi tên bà là Nguyễn Thị B nhưng người trực tiếp thực hiện và nộp tiền là vợ chồng T1, T2. Tổng chi phí bà biết là hơn 97 triệu đồng.

UBND huyện Tây Sơn đã đồng ý ban hành Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 26/3/2012 cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất vườn sang đất ở đối với 250m² đất. Sau đó, bà và các con đã làm thủ tục phân chia, tặng cho xong; P và T5 được chia đất ở từ 200m² đất ở cũ có sẵn. Diện tích đất còn lại chia làm 05 thửa: bà T1, bà T3, bà N mỗi người một thửa còn 02 thửa nhượng lại cho ông Nguyễn Đức C (là cha chồng của bà N, theo thỏa thuận của ông N1 khi còn sống). Các con bà đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phân chia số tiền chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng, phí sang tên và trả cho vợ chồng T1. T3 cũng có mặt thống nhất việc chuyển đổi mục đích sử dụng và việc trả lại tiền cho vợ chồng T1, T2 nhưng không hiểu vì sao sau đó lại không chịu trả đủ tiền. Còn đối với sự việc vợ chồng T3 nói xấu gì đó vợ chồng T1 T2 thì bà không nghe.

Bà cũng thống nhất như yêu cầu của vợ chồng T1 T2, phần bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Xuân Phước, các bà Phan Thị Thu T4, Phan Thị Thu N và ông Phan Xuân T5 trình bày: các ông bà là con của ông Phan Xuân N1 (chết năm 2009) và bà Nguyễn Thị B. Cha mẹ các ông bà có 01 đám đất số 150, tờ bản đồ số 34, diện tích 1.123,6m² (200m² đất ở, 923,6m² đất trồng cây hàng năm khác) tại thôn A, xã X, huyện T. Sau khi ông N1 chết thì bà B và các ông bà đã lập văn bản phân chia di sản và tặng cho quyền sử dụng đất (phần đất của bà cũng đồng ý phân ra tặng cho các con). Nhưng vì đất thổ cư chỉ có 200m² không đủ đất thổ cư chia để đảm bảo điều kiện tách thửa nên bà B và các ông bà đã họp thống nhất làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất vườn sang đất thổ cư đối với 250m² đất, giao cho vợ chồng Phan Thị Thu T1, Bùi Văn T2 thực hiện các thủ tục. Vì khi xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất thì vẫn chưa phân chia, sang tên nên trên tất cả giấy tờ thủ tục và biên lai nộp tiền đều ghi tên mẹ - bà Nguyễn Thị B nhưng người trực tiếp thực hiện và nộp tiền là vợ chồng T1, T2.

UBND huyện Tây Sơn đã đồng ý ban hành Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 26/3/2012 cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất vườn sang đất ở đối với 250m² đất. Sau đó, mẹ B và các ông bà đã làm thủ tục phân chia, tặng cho xong; Ông P, ông T5 là con trai nên được chia mỗi người 100m² đất thổ cư từ 200m² đất thổ cư có sẵn của thửa đất. Diện tích đất còn lại chia làm 05 thửa: bà T1, bà T3, bà N mỗi người một thửa còn 02 thửa nhượng lại cho ông Nguyễn Đức C (là cha chồng của bà N, theo thỏa thuận của ông N1 khi còn sống). Ông P, ông T5 không phải trả chi phí chuyển mục đích sử dụng đất. Các ông bà đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phân chia số tiền chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng, phí sang tên; bà N, ông C đã trả cho vợ chồng T1 T2. Riêng bà T3 cũng có mặt thống nhất việc chuyển đổi mục đích sử dụng và việc trả lại tiền cho vợ chồng T1, T2 nhưng không hiểu vì sao sau đó lại không chịu trả đủ tiền cho vợ chồng bà T1. Có lần tụ họp tại nhà bà B1 thì còn nghe vợ chồng bà T3 nặng lời chửi mắng vợ chồng T1, T2 là giả mạo chứng từ biên lai thu thuế để ăn chặn tiền của vợ chồng bà T3. Các ông bà không có yêu cầu gì, đề nghị Tòa xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Xuân P1, Phạm Xuân T5, các bà Nguyễn Thị B, Phan Thị Thu T4 và Phan Thị Thu N vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ các Điều 227, 228 BLTTDS năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; áp dụng các Điều 274, 275 và 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của vợ chồng ông bà Phan Thị Thu T1, Bùi Văn T2 về việc đòi bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm (vì nguyên đơn rút yêu cầu tại phiên tòa);

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: bà Phan Thị Thu T3 có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông bà Phan Thị Thu T1, Bùi Văn T2 số tiền 4.457.600đ về khoản chi phí còn lại trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất vườn sang đất ở, phí sang tên trước bạ năm 2012. Án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:* người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Xuân P, Phạm Xuân T5, các bà Nguyễn Thị B, Phan Thị Thu T4 và Phan Thị Thu N vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 BLTTDS năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

** Về nội dung vụ án:*

[1] Vợ chồng bà Phan Thị Thu T1, ông Bùi Văn T2, các ông Phạm Xuân P, Phạm Xuân T5, các bà Nguyễn Thị B, Phan Thị Thu T4 và Phan Thị Thu N đều thống nhất: ông Phan Xuân N1 (chết năm 2009) và bà Nguyễn Thị B có 07 người con chung là: Phan Xuân P, Phan Thị Thu H, Phan Thị Thu T3, Phan Thị Thu T1, Phan Thị Thu T4, Phan Thị Thu N và Phan Xuân T5. Vợ chồng ông bà có 01 đám đất số 150, tờ bản đồ số 34, diện tích 1.123,6m² (200m² đất ở; 923,6m² đất trồng cây hàng năm khác) tại thôn A, xã X, huyện T. Sau khi ông N1 chết thì bà Nguyễn Thị B và các con đã lập văn bản phân chia di sản và tặng cho quyền sử dụng đất (chuyển sang tên của bà B để tặng cho lại các con). Nhưng vì đất thổ cư chỉ có 200m² không đủ để chia đảm bảo điều kiện tách thửa nên bà Nguyễn Thị B và các ông bà Phạm Xuân P, Phạm Xuân T5, Phan Thị Thu T1, Phan Thị Thu T3, Phan Thị Thu T4 và Phan Thị Thu N đã họp thống nhất làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất vườn sang đất thổ cư đối với 250m² đất, giao cho vợ chồng bà Phan Thị Thu T1, ông Bùi Văn T2 thực hiện các thủ tục. Vì khi xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất thì vẫn chưa phân chia, sang tên nên trên tất cả giấy tờ thủ tục và biên lai nộp tiền

đều ghi tên bà Nguyễn Thị B nhưng người trực tiếp thực hiện và nộp tiền là vợ chồng Thanh, Thu.

UBND huyện Tây Sơn đã đồng ý ban hành Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 26/3/2012 cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất vườn sang đất ở đối với 250m² đất. Sau đó, bà và các con đã làm thủ tục phân chia, tặng cho xong; P và T5 được chia đất ở từ 200m² đất ở cũ có sẵn. Diện tích đất còn lại chia làm 05 thửa: bà T1, bà T3, bà N mỗi người một thửa còn 02 thửa nhượng lại cho ông Nguyễn Đức C (là cha chồng của bà N, theo thỏa thuận của ông N1 khi còn sống). Tổng chi phí vợ chồng ông T2 đã nộp là 97.288.000đ, bao gồm phí chuyển mục đích sử dụng: 96.637.500đ và phí sang tên trước bạ: 650.500đ.

Các ông bà Phạm Xuân P, Phạm Xuân T5, Phan Thị Thu T1, Phan Thị Thu T3 và Phan Thị Thu N đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phần ông C giao cho hai con gái (Nguyễn Thị Phương TR và Nguyễn Thị Kim Đ) nhận chuyển nhượng đất từ bà B. Các bên đã phân chia số tiền chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng, phí sang tên và trả cho vợ chồng ông bà T1 T2 (mỗi phần 19.457.600đ). Đây là các tình tiết mà các bên đương sự đều thống nhất, không phải chứng minh, căn cứ vào quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận.

[2] Xét thực tế vợ chồng bà T1, ông T2 là người trực tiếp thực hiện các thủ tục và nộp tiền (mặc dù tên trong biên lai thu ghi bà Nguyễn Thị B nhưng bà B và các con đều xác nhận ông T2 bà T1 nộp). Bà Phan Thị Thu T3 là người được nhận tài sản (quyền sử dụng đất) nên phải chịu nghĩa vụ trả tiền. Tại phiên tòa bên nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất thỏa thuận: bà Phan Thị Thu T3 có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Phan Thị Thu T1, ông Bùi Văn T2 số tiền 4.457.600đ - về khoản chi phí còn lại trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất vườn sang đất ở và phí sang tên trước bạ mà vợ chồng bà T1 ông T2 đã tạm nộp trước năm 2012. Thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với các quy định tại các Điều 274, 275 Bộ luật Dân sự năm 2015, nghị nên công nhận.

Kể từ ngày vợ chồng bà T1, ông T2 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T3 không chịu trả số tiền nêu trên thì còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Đối với yêu cầu của vợ chồng bà Phan Thị Thu T1, ông Bùi Văn T2 về việc đòi ông Nguyễn Vinh H, bà Phan Thị Thu T3 bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm thì: tại phiên tòa ông Bùi Văn T2 (đại diện theo ủy quyền của bà T1) đã rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa giải quyết, căn cứ quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử yêu cầu này.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Cần buộc bà Phan Thị Thu T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*);

Hoàn trả lại cho vợ chồng ông bà Phan Thị Thu T1, Bùi Văn T2 khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006996 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147; Điều 212; Điều 227; Điều 228; Điều 244; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 274, 275, 280, 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của vợ chồng bà Phan Thị Thu T1, ông Bùi Văn T2 về việc đòi ông Nguyễn Vinh H, bà Phan Thị Thu T3 bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm vì nguyên đơn rút yêu cầu tại phiên tòa.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: bà Phan Thị Thu T3 có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Phan Thị Thu T1, ông Bùi Văn T2 số tiền 4.457.600đ (*Bốn triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm đồng*) - về khoản chi phí còn lại trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất và phí sang tên trước bạ mà vợ chồng bà T1, ông T2 đã tạm nộp trước năm 2012.

Kể từ ngày vợ chồng bà T1, ông T2 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T3 không chịu trả số tiền nêu trên thì còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Phan Thị Thu T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vợ chồng bà Phan Thị Thu T1, ông Bùi Văn T2 không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho vợ chồng bà T1, ông T2 khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0006996 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

3/ Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Giang Nam